Quản lý đang xem danh sách món ăn theo loại thì quản lý B xóa loại món ăn đó đi.

Tên Use Case:	Xem danh sách món ăn theo loại (quản lý).	
Kịch bản:	Quản lý muốn xem danh sách món ăn theo loại.	
Sự kiện kích hoạt:	Quản lý chọn loại món ăn trong xem danh sách món ăn.	
Tóm tắt mô tả:	Quản lý vào quản lý món ăn và xem danh sách món ăn	
	theo loại.	
Actors:	Quản lý.	
Stakeholders:	Quản lý.	
Điều kiện trước:	Quản lý đăng nhập thành công.	
Điều kiện sau:	Hiển thị danh sách món ăn theo loại.	
Luồng chính:	Actor	System
	 Quản lý đăng nhập. Quản lý chọn tab quản lý món ăn. Quản lý chọn lại loại món ăn. Chọn lọc. 	 Hệ thống kiểm tra thông tin đăng nhập. Hiển thị 2 màn hình, 1 màn hình hiển thị danh sách và 1 màn hình hiển thị thông tin và có các chức năng xóa món ăn, thêm món ăn, lọc món theo loại. Hiển thị danh sách món theo loại.
Ngoại lệ:	1.1. Nếu thông tin đăng nhập không đúng thì hệ thống yêu cầu đăng nhập lại.	

Tên Use Case:	Xóa loại món ăn.	
Kịch bản:	Quản lý muốn xóa 1 loại món ăn khỏi danh sách của	
-	nhà hàng.	
Sự kiện kích hoạt:	Quản lý chọn xóa 1 loại món ăn.	
Tóm tắt mô tả:	Quản lý muốn xóa 1 loại món ăn ra khỏi danh sách của	
	nhà hàng.	
Actors:	Quản lý.	
Stakeholders:	Quản lý.	
Điều kiện trước:	Quản lý đăng nhập thành công vào hệ thống.	
Điều kiện sau:	Loại món ăn được xóa thành công.	
Luồng chính:	Actor	System
	1. Quản lý đăng nhập.	 Hệ thống kiểm tra
	2. Quản lý chọn tab quản	thông tin và phân
	lý loại món ăn.	quyền.
	3. Quản lý chọn 1 loại	2. Hiển thị 2 màn hình, 1
	món ăn cần xóa	màn hình hiển thị danh
	4. Chọn xóa.	sách và 1 màn hình

	hiển thị thông tin và có các chức năng xóa, thêm, sửa. 3. Hiển thị thông tin loại món ăn đó. 4. Hệ thống kiểm tra thông tin rồi cập nhật thuộc tính isActive = 0 vào database.	
Ngoại lệ:	1.1. Nếu đăng nhập sai, hệ thống yêu cầu đăng nhập	
	lại.	
	1.2. Nếu tài khoản bị khóa, hệ thống thông báo tùy chối	
	truy cập.	